

Số: 289 /2021/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2021/TLST - HNGĐ ngày 25/3/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Nguyễn Thảo N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ X, phường T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Đào Việt A, sinh năm 1994;

ĐKHKT: Tổ C, phường T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở: Tổ S, phường G, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các Điều 146, 147 Điều 212, 213, Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/6/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/6/2021 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Nguyễn Thảo N và anh Đào Việt A.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Nguyễn Thảo N và anh Đào Việt A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/5/2019. Khi ly hôn chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đào Việt A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về lãi chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thỏa thuận tính khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004711 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

NƠI NHẬN

- *VKSND TPTN;*
- *Chi cục THATPTN;*
- *TAND tỉnh TN;*
- *Đương sự;*
- *UBND phường T, TP TN;*
- *Lưu HS; BP.*

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hà

